

BÀI TẬP TRỌNG ÂM & TỪ VỰNG TIẾNG ANH

- **Danh từ và Tính từ** → Thường nhấn vào **âm tiết thứ nhất**.
- **Động từ** → Thường nhấn vào **âm tiết thứ hai**.

PHẦN 1:

Từ cho sẵn: teacher, begin, happy, forget, driver, clever, relax, window.

Nhóm 1: Trọng âm 1	Nhóm 2: Trọng âm 2
1.	1.
2.	2.
3.	3.

PHẦN 2: Khoanh tròn vào từ có vị trí trọng âm khác với các từ còn lại.

1. A. doctor
B. table
C. return
D. cattle (gia súc)
2. A. funny
B. heavy (nặng)
C. pretty (xinh đẹp)
D. enjoy
3. A. become (trở thành)
B. kitten
C. paper
D. pencil
4. A. listen
B. decide
C. invite
D. repeat
5. A. brother
B. sister

C. parent

D. afraid (lo sợ)

PHẦN 3:

1. My grandmother loves making warm sweaters. Her hobby is
2. We went camping last weekend and slept in a big
3. I love K-pop music! I am BTS.
4. Nam is very smart. He solving math problems.
5. In summer, I usually with my family at the beach.

PHẦN 4: Tìm từ khác loại (Odd One Out)

Hãy tìm ra 1 từ "lạc loài", không cùng nhóm với các từ còn lại trong mỗi câu sau:

1. A. tent (cái lều)
B. blanket (cái chăn)
C. knitting (đan len)
D. pillow (cái gối)
2. A. love (yêu) B. like (thích) C. hate (ghét) D. a big fan of (hâm mộ)
3. A. spend time (dành thời gian)
B. waste time (lãng phí thời gian)
C. save time (tiết kiệm thời gian)
D. clock (đồng hồ)

PHẦN 5: Sắp xếp từ xáo trộn thành câu đúng (Word Order)

1. a / big / cartoon / Tom / fan / of / is / .
→
2. camping / we / a / built / green / for / tent / our / trip / .
→
3. playing / very / at / chess / brother / my / good / is / .
→
4. night / loves / every / knitting / grandmother / my / .
→